

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU
LUẬT CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG**

Ngày 14/6/2022, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Cảnh sát cơ động năm 2022 (Luật số 04/2022/QH15), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023. Luật gồm những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Ngày 23/12/2013, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII đã thông qua Pháp lệnh Cảnh sát cơ động số 08/2013/UBTVQH13 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2014), đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho tổ chức hoạt động và xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động. Sau 07 năm triển khai thực hiện Pháp lệnh, Cảnh sát cơ động đã phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt là triển khai đồng bộ các biện pháp, phương án, kế hoạch công tác, tổ chức lực lượng ra quân xử lý kịp thời, có hiệu quả các hoạt động gây phương hại đến an ninh, trật tự, bạo loạn, biểu tình bất hợp pháp; trấn áp đối tượng có hành vi phạm tội nguy hiểm, đấu tranh triệt phá các chuyên án, các băng, nhóm tội phạm có tổ chức; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, hội nghị, sự kiện chính trị quan trọng, góp phần phục vụ đắc lực cho bảo đảm an ninh quốc gia, sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của đất nước.

Tuy nhiên, trước sự phát triển của kinh tế - xã hội và những mặt trái của nó, cùng sự thay đổi, điều chỉnh của hệ thống pháp luật, những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trong nước đặt ra nhiều thách thức, yêu cầu, nhiệm vụ mới đối với Cảnh sát cơ động, trách nhiệm cũng ngày càng nặng nề hơn. Bên cạnh đó, Pháp lệnh đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế cần khắc phục để phù hợp với quy định của Hiến pháp và bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật. Do vậy, việc xây dựng Luật Cảnh sát cơ động là cần thiết, cụ thể như sau:

Thứ nhất, xây dựng Luật Cảnh sát cơ động bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013 về việc luật hóa các quy định hạn chế quyền con người, quyền công dân; thống nhất với các quy định của pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động.

- Tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”. Pháp lệnh Cảnh sát cơ động năm 2013 quy định Cảnh sát cơ động được thực hiện nhiều hoạt động liên quan tới hạn chế quyền con người, quyền công dân. Theo đó, Cảnh sát cơ động là lực lượng nòng cốt áp dụng biện pháp vũ trang (sử dụng sức mạnh thể chất và sức mạnh của vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ hiện đại được trang bị) để đấu tranh chống khủng bố, trấn áp, giải quyết các vụ bạo loạn, biểu tình, tụ tập đông người gây rối an ninh, trật tự... trực tiếp tác động đến sức khỏe, tính mạng của các đối tượng phạm tội. Bên cạnh đó, để thực hiện nhiệm vụ trong những trường hợp cấp bách, Cảnh sát cơ động được quyền huy động người, phương tiện, trưng dụng tài sản, yêu cầu các cơ quan cung cấp sơ đồ, thiết kế, bản vẽ công trình và được vào nơi ở của cá nhân, trụ sở cơ quan, tổ chức... Vì vậy, để bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013, các quy định trên cần thiết phải được thể hiện ở văn bản luật.

- Mặt khác, trong những năm gần đây, Quốc hội đã ban hành nhiều luật chuyên ngành, trong đó có những quy định liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn và xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động, nhưng mới dừng lại ở các nguyên tắc chung, chưa được quy định cụ thể, như tại khoản 3 Điều 22 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 mới chỉ quy định nguyên tắc chung của việc sử dụng vũ khí quân dụng khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, chưa quy định cụ thể thẩm quyền quyết định sử dụng; trong khi đó, Cảnh sát cơ động là lực lượng được trang bị nhiều loại vũ khí quân dụng, thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, theo đội hình chiến đấu; tại khoản 1 Điều 5 Luật Công an nhân dân năm 2018 và khoản 3 Điều 26 Luật Quốc phòng năm 2019 đều xác định: “*Nhà nước xây dựng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước*

hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa một số lực lượng”, trong đó Cảnh sát cơ động là lực lượng được ưu tiên tiến thẳng lên hiện đại.

Do vậy, cần luật hóa các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động và quy định cụ thể các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn, xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động để tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động của Cảnh sát cơ động.

Thứ hai, luật hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh đối với lực lượng Công an nhân dân nói chung, Cảnh sát cơ động nói riêng. Cụ thể như: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII của Đảng Cộng sản Việt Nam về tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đã xác định: “... *Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại, trước hết là cho lực lượng Hải quân, Phòng không, không quân, lực lượng An ninh, Tình báo, Cảnh sát cơ động...*”; Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục xác định: “... *Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại hóa các lực lượng Hải quân, Phòng không, không quân, Tác chiến điện tử, Trinh sát kỹ thuật, Cảnh sát biển, Tình báo, Cơ yếu, An ninh, Cảnh sát cơ động...*”. Nghị quyết số 40-NQ/TW ngày 08/11/2004 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác công an trong tình hình mới, Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 03/8/2015 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa XI) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đều xác định ưu tiên kinh phí, đầu tư trang bị phương tiện bảo đảm cho lực lượng Cảnh sát cơ động tiến thẳng lên hiện đại. Khoản 1 Điều 5 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động quy định Nhà nước xây dựng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; ngày

31/3/2021, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-TTg phê duyệt Đề án hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát cơ động đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030.

Do vậy, việc xây dựng Luật Cảnh sát cơ động là một bước quan trọng để thể chế hóa các chủ trương, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước nhằm xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Thứ ba, xây dựng Luật Cảnh sát cơ động để đảm bảo phù hợp với tính chất đặc thù của Cảnh sát cơ động và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Cảnh sát cơ động là lực lượng có tính chất đặc thù so với các lực lượng khác trong Công an nhân dân, được thể hiện ở một số điểm nổi bật như sau:

(1) Có chức năng nòng cốt áp dụng biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nhiệm vụ chính của Cảnh sát cơ động là xây dựng các dạng phương án, thường xuyên tổ chức huấn luyện, ứng trực, bảo đảm quân số, vũ khí, trang bị sẵn sàng giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, biểu tình, bạo loạn, khủng bố, bắt cóc con tin, trấn áp các đối tượng có hành vi phạm tội nguy hiểm, vũ trang, tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự... Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Cảnh sát cơ động tác chiến theo đội hình, cơ động nhanh, đấu tranh vũ trang trực diện, xử lý những vụ việc, tình huống phức tạp mà nếu chỉ sử dụng biện pháp, lực lượng khác trong Công an nhân dân thì không giải quyết được.

(2) Đối tượng đấu tranh của Cảnh sát cơ động đa dạng, phức tạp, số lượng đông từ các băng, nhóm, tội phạm hình sự, ma túy nguy hiểm có sử dụng các loại vũ khí nóng, đến các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự, biểu tình, bạo loạn với số lượng lớn người tham gia, ngoài số đối tượng phản động, cơ hội chính trị cầm đầu xúi giục, còn có sự tham gia của đông đảo người dân bị kích động, lôi kéo.

(3) Hoạt động vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động có liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, đến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, được dư luận trong nước và quốc tế quan tâm.

(4) Cảnh sát cơ động ở Trung ương và địa phương được tổ chức theo mô hình đơn vị vũ trang chiến đấu tập trung, quân số đông, được trang bị nhiều loại vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật đặc chủng, hiện đại như: súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng trung liên, súng đại liên, súng chống tăng, B40, B41, xe thiết giáp, chống đạn; tàu thủy, máy bay trực thăng....

(5) Để thực hiện nhiệm vụ, đòi hỏi lực lượng Cảnh sát cơ động phải được tổ chức huấn luyện thường xuyên, chuyên sâu về võ thuật, quân sự, kỹ chiến thuật chiến đấu ở cường độ cao, trong mọi điều kiện địa hình, địa bàn, thời tiết, khí hậu khắc nghiệt.

Thực tiễn trải qua gần 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng Cảnh sát cơ động đã không ngừng lớn mạnh và lập được nhiều chiến công đặc biệt xuất sắc, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội như: Tham gia chống chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Bắc và Tây Nam; tăng cường lực lượng hỗ trợ Campuchia đấu tranh chống chế độ Khmer Đỏ năm 1978 và 1979; truy quét phản động Fulro ở Tây Nguyên những năm 1980; giải quyết các vụ việc gây rối an ninh, trật tự, bạo loạn chính trị, biểu tình bất hợp pháp tại Tây Nguyên năm 2001, năm 2004; tại Mường Nhé, Điện Biên năm 2011 và Mường Tè, Lai Châu năm 2020 (liên quan đến hoạt động âm mưu thành lập “Nhà nước Mông”); tại Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh năm 2014 (liên quan đến vụ giàn khoan HD981), tại các tỉnh miền Trung năm 2016, 2017 (liên quan đến sự cố môi trường biển); tại Bình Thuận năm 2018 (liên quan đến dự thảo Luật An ninh mạng, Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt); tại Ia Chim, Kon Tum năm 2019 và tại Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội năm 2020...; đấu tranh triệt phá các chuyên án ma túy đặc biệt nguy hiểm tại xã Hang Kia, Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình và xã Loóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La... Trước sự manh động, hung hãn, nguy hiểm của các đối tượng phạm tội, sẵn sàng sử dụng các loại vũ khí nóng để chống trả lực lượng chức năng, Cảnh sát cơ động đã sử dụng biện pháp vũ trang với sức mạnh của lực lượng cùng với các loại vũ khí, phương tiện, công cụ hỗ trợ để tấn công trấn áp, tiêu diệt, bắt giữ, nhanh chóng ổn định tình hình. Quá trình thực hiện nhiệm vụ có nhiều cán bộ, chiến sĩ bị thương, hy sinh anh dũng, góp phần bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Hiện nay, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là xung đột vũ trang, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố quốc tế, biểu tình, bạo loạn; các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia... tác động ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh, trật tự tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các thế lực thù địch từ bên ngoài tiếp tục câu kết với các đối tượng phản động, cơ hội chính trị, cực đoan ở trong nước triệt để lợi dụng các vấn đề liên quan đến tranh chấp biên, đảo, khiếu kiện, đình công, lãn công và các vấn đề xã hội làm nảy sinh dư luận và bức xúc trong Nhân dân để tiến hành hoạt động chống phá Việt Nam. Các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm về ma túy, hình sự, tội phạm sử dụng công nghệ cao; các vấn đề xã hội phát sinh do sự bùng phát và hậu quả của dịch bệnh Covid-19... vẫn là những thách thức lớn cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự của Cảnh sát cơ động.

Với tính chất đặc thù và yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đòi hỏi phải xây dựng các quy định pháp luật điều chỉnh quan hệ xã hội trong tổ chức và hoạt động của lực lượng Cảnh sát cơ động trong văn bản có tính chất pháp lý cao và ổn định, loại hình văn bản quy phạm pháp luật phù hợp nhất là xây dựng Luật thay vì Pháp lệnh để điều chỉnh về hoạt động, tổ chức, trang bị, chế độ, chính sách của Cảnh sát cơ động.

Thứ tư, xây dựng Luật Cảnh sát cơ động nhằm giải quyết một số vấn đề bất cập của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động.

- Tại khoản 1 Điều 4 Pháp lệnh quy định thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với chế độ chính ủy, chính trị viên ở Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động. Tuy nhiên, tại Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, xác định: “... *Thống nhất thực hiện chế độ thủ trưởng đơn vị đồng thời làm bí thư cấp ủy, kết thúc việc thực hiện Quy định số 216-QĐ/TW ngày 09/12/2013 của Ban Bí thư về thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên ở Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động*”. Tại khoản 3 Điều 7 Pháp lệnh quy định Cảnh sát cơ động có nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, theo

quy định của Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Cảnh sát cơ động không được giao nhiệm vụ tiến hành các hoạt động điều tra.

- Quy định về thẩm quyền điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ đã bộc lộ một số bất cập, đó là: Điều 10 Pháp lệnh quy định Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền điều động các đơn vị Cảnh sát cơ động đến cấp tiểu đoàn trực thuộc; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền điều động đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền (có thể là cấp trung đoàn như Công an TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh). Như vậy, chưa có sự tương xứng về thẩm quyền điều động so với quy mô tổ chức và quân số của Cảnh sát cơ động ở Bộ Tư lệnh và Công an địa phương. Bên cạnh đó, Pháp lệnh chưa quy định thẩm quyền của Tư lệnh và Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ trong những trường hợp khẩn cấp, cấp bách. Vì vậy, chưa phát huy được tính kịp thời, cơ động nhanh để giải quyết các vụ việc yêu cầu cần phải xử lý ngay.

- Pháp lệnh hiện hành quy định Cảnh sát cơ động được quyền trưng dụng tài sản phục vụ thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, theo quy định tại Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản năm 2008, thẩm quyền này là của Bộ trưởng Bộ Công an và không phân cấp cho cấp dưới.

- Thực tiễn thi hành nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát cơ động, nhất là trong giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự có sự tham gia, phối hợp của nhiều lực lượng, cơ quan, tổ chức có liên quan. Tuy nhiên, Pháp lệnh Cảnh sát cơ động chưa có quy định cụ thể về công tác phối hợp giữa Cảnh sát cơ động với cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng có liên quan, nên quá trình thực hiện đã gặp nhiều lúng túng, hiệu quả chưa cao.

Để khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, việc ban hành Luật Cảnh sát cơ động là cần thiết, tạo cơ sở pháp lý quan trọng, vững chắc để Cảnh sát cơ động thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, đồng thời phù hợp với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển và hội nhập của đất nước trong tình hình mới.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối, của Đảng, Nhà nước về xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

- Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp của Pháp lệnh, khắc phục những hạn chế, bất cập, phát triển, bổ sung các quy định mới nhằm thể hiện tính đặc thù của Cảnh sát cơ động; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của Luật Cảnh sát cơ động trong thực tiễn thi hành.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG

Luật gồm 05 chương, 33 điều. So với Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, Luật Cảnh sát cơ động giữ nguyên số chương, tăng 09 điều. Theo đó, Luật Cảnh sát cơ động được bố cục như sau:

1. Chương I (Quy định chung) gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8), quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động; nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động; xây dựng Cảnh sát cơ động; Ngày truyền thống Cảnh sát cơ động; hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động và các hành vi bị nghiêm cấm. Chương này tập trung làm rõ một số vấn đề quan trọng như: Vị trí, chức năng; nguyên tắc hoạt động và hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động nhằm tạo hành lang pháp lý cho Cảnh sát cơ động trong thực hiện nhiệm vụ.

2. Chương II (Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát cơ động) gồm 13 điều (từ Điều 9 đến Điều 21), quy định về nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động; quyền hạn của Cảnh sát cơ động; bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự; vào trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân để chống khủng bố, giải cứu con tin; biện pháp công tác của Cảnh sát cơ động; sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ; huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự; hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động; nghĩa vụ và trách nhiệm

của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; trách nhiệm của Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an cấp tỉnh; điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ; phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động.

3. Chương III (Bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động) gồm 06 điều (từ Điều 22 đến Điều 27), quy định về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho Cảnh sát cơ động; trang bị của Cảnh sát cơ động; trang phục, công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân, giấy chứng nhận công tác đặc biệt của Cảnh sát cơ động; chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động; đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động.

4. Chương IV (Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Cảnh sát cơ động) gồm 05 điều (từ Điều 28 đến Điều 32), quy định về nội dung quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động; trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động; trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động.

5. Chương V (Điều khoản thi hành) gồm 01 điều (Điều 33), quy định về hiệu lực thi hành.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Những quy định chung (Chương I)

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Trên cơ sở kế thừa quy định tại Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, Điều 1 của Luật quy định về phạm vi điều chỉnh như sau: “*Luật này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát cơ động; bảo đảm điều kiện hoạt động, chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan*”.

1.2. Giải thích từ ngữ

Biện pháp vũ trang là một trong bảy biện pháp cơ bản bảo vệ an ninh quốc gia quy định tại Luật An ninh quốc gia, đồng thời cũng là một trong các

biện pháp công tác của lực lượng Công an nhân dân được quy định tại Luật Công an nhân dân. Tuy nhiên, các luật nêu trên và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa giải thích rõ thế nào là biện pháp vũ trang. Theo Pháp lệnh Cảnh sát cơ động và thực tiễn công tác, Cảnh sát cơ động sử dụng biện pháp này là chủ yếu trong thực chức năng, nhiệm vụ của mình; thể hiện tính đặc thù, đặc biệt và sức mạnh của Cảnh sát cơ động. Do vậy, tại khoản 1 Điều 2 Luật Cảnh sát cơ động đã giải thích rõ “*Biện pháp vũ trang là cách thức, phương pháp sử dụng sức mạnh tinh thần, thể chất, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để Cảnh sát cơ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn*”. Trong đó, cụm từ “sức mạnh tinh thần” được hiểu ngoài sức mạnh thể chất, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động phải nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của ngành Công an, đồng thời phải có đủ lý trí để sử dụng thành thạo võ thuật, các loại vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, có sự tập trung, sáng suốt, linh hoạt, mưu trí, dũng cảm, quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đây chính là sức mạnh tinh thần được kết hợp với sức mạnh thể chất trong biện pháp vũ trang của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động.

Tại khoản 2 Điều 2 Luật cũng giải thích rõ cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động bao gồm sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ thuộc Cảnh sát cơ động.

1.3. Vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động

Điều 3 Luật Cảnh sát cơ động quy định: “*Cảnh sát cơ động là lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Công an nhân dân Việt Nam, là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội*”. Theo đó, Cảnh sát cơ động là lực lượng vũ trang thuộc Công an nhân dân, với chức năng là lực lượng “nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang” bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, hoạt động trong Luật. Đây chính là đặc thù và sự khác biệt của Cảnh sát cơ động so với các lực lượng khác trong Công an nhân dân. Phạm vi, địa bàn hoạt động của Cảnh sát cơ động trước hết phải theo quy định của Luật Công an nhân dân và được xác định rõ trong Luật Cảnh sát cơ động, đồng thời được phân định bởi các quy định của pháp luật có liên quan (như Luật Biên phòng Việt Nam,

Luật Cảnh sát biển Việt Nam). Đối với các nhiệm vụ, quyền hạn do Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển chủ trì, Cảnh sát cơ động sẽ chỉ phối hợp thực hiện khi được yêu cầu tham gia giải quyết vụ việc.

Lực lượng Cảnh sát cơ động thuộc Công an nhân dân, nên Luật quy định Cảnh sát cơ động là “lực lượng vũ trang nhân dân” là phù hợp và thống nhất với một số luật đã ban hành (Điều 3 Luật Cảnh sát biển Việt Nam, Điều 13 Luật Biên phòng Việt Nam); đồng thời, là căn cứ pháp lý để xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, xây dựng chế độ, chính sách, bảo đảm hoạt động, tạo điều kiện để Cảnh sát cơ động hoàn thành tốt nhiệm vụ. Để bảo đảm cơ chế kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động, tránh lạm quyền, nhất là các nội dung có liên quan đến quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp, khoản 2 Điều 4 của Luật đã quy định nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động là phải “Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam”. Chức năng của Cảnh sát cơ động được ràng buộc và điều chỉnh bởi Luật Công an nhân dân, các luật khác có liên quan và quy định tại Luật này.

1.4. Nguyên tắc hoạt động của Cảnh sát cơ động

Để bảo đảm phù hợp với vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động, đồng thời thể hiện đầy đủ các nguyên tắc hoạt động chung và các nguyên tắc mang tính đặc thù của lực lượng Cảnh sát cơ động, Điều 4 của Luật quy định nguyên tắc hoạt động của lực lượng này như sau: (1) Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy, quản lý trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an; (2) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; (3) Dựa vào Nhân dân, phát huy sức mạnh của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; (4) Kết hợp chặt chẽ biện pháp vũ trang với các biện pháp công tác khác của lực lượng Công an nhân dân trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; (5) Bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương.

1.5. Hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động

Hợp tác quốc tế là một trong những nội dung quan trọng, là điều kiện không thể thiếu trong hoạt động của lực lượng Công an nhân dân nói chung và Cảnh sát cơ động nói riêng. Trong bối cảnh Đảng, Nhà nước ta đang tích cực mở rộng quan hệ, hợp tác quốc tế, hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới trong nhiều lĩnh vực như chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học, kỹ thuật, an ninh, quốc phòng... nhằm tranh thủ ngoại lực, thúc đẩy công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bảo đảm an ninh, quốc phòng, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong khi đó, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đang nổi lên nhiều vấn đề nóng bỏng mang tính toàn cầu như: Tội phạm mang tính quốc tế, tội phạm có tổ chức, hoạt động xuyên quốc gia, tình trạng khủng bố, bắt cóc con tin, xung đột tôn giáo, sắc tộc... diễn biến phức tạp hơn, đã đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ trong hoạt động của lực lượng Cảnh sát cơ động phải tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế nhằm bảo đảm sự thành công của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Ngoài ra, hợp tác quốc tế trong hoạt động của Cảnh sát cơ động sẽ giúp tăng cường tinh thần đoàn kết, hợp tác hữu nghị giữa lực lượng Cảnh sát Việt Nam với Cảnh sát, Công an các nước trong khu vực và trên thế giới, đặc biệt là Cảnh sát cơ động với lực lượng có liên quan của các nước bạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng Cảnh sát cơ động ngày càng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

Theo đó, tại Điều 5 của Luật quy định khi thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế, Cảnh sát cơ động phải thực hiện theo pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế có liên quan. Nội dung hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động bao gồm: Trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động; đào tạo, huấn luyện, diễn tập, hỗ trợ, chuyên giao trang bị, phương tiện, khoa học và công nghệ tăng cường năng lực của Cảnh sát cơ động; phòng, chống khủng bố, bắt cóc con tin, chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ và các nội dung hợp tác khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động.

1.6. Các hành vi bị nghiêm cấm

Đây là một trong những điểm mới đáng chú ý của Luật Cảnh sát cơ động. Pháp lệnh Cảnh sát cơ động chỉ quy định nghiêm cấm hành vi sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, trang phục, phù hiệu, giấy chứng nhận của Cảnh sát cơ động; Luật Cảnh sát cơ động đã bổ sung các hành vi bị nghiêm cấm như: Chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng, tàng trữ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động; chống đối, cản trở hoạt động của Cảnh sát cơ động; trả thù, đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động trong thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ; mua chuộc, hối lộ hoặc có hành vi ép buộc cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động làm trái với nhiệm vụ, quyền hạn được giao; đồng thời, Luật bổ quy định chung về cấm các hành vi vi phạm pháp luật khác liên quan đến Cảnh sát cơ động.

Theo đó, Điều 8 Luật Cảnh sát cơ động quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với Cảnh sát cơ động, bao gồm: (1) Chống đối, cản trở hoạt động của Cảnh sát cơ động; trả thù, đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động trong thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ; (2) Chiếm đoạt, hủy hoại, cố ý làm hư hỏng, tàng trữ, sản xuất, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động; (3) Mua chuộc, hối lộ hoặc có hành vi ép buộc cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động làm trái với nhiệm vụ, quyền hạn được giao; (4) Giả danh cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; giả mạo phương tiện, làm giả, mua bán, sử dụng trái phép trang phục, phù hiệu, con dấu, giấy chứng nhận công tác đặc biệt của Cảnh sát cơ động; (5) Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động lạm dụng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác để vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Cảnh sát cơ động (Chương II)

2.1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động

Tại Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động quy định chung về cả nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động, bao gồm: Quyền huy động người, phương tiện; trưng dụng tài sản phục vụ hoạt động của Cảnh sát cơ động; quyền yêu cầu các cơ quan cung cấp sơ đồ, thiết kế, bản vẽ công trình và được vào nơi ở của cá nhân, trụ sở cơ quan, tổ chức khi thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, Cảnh sát cơ động là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, việc thực hiện biện pháp vũ trang với đặc trưng sử dụng sức mạnh, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ tác động trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của đối tượng bị áp dụng. Có thể nhận thấy, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động và việc thực hiện các biện pháp công tác của Cảnh sát cơ động có tác động, liên quan trực tiếp tới quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Đồng thời, trong Pháp lệnh chưa quy định cụ thể nghĩa vụ, trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động, quyền hạn của Tư lệnh Cảnh sát cơ động và Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bên cạnh đó, trong thời gian qua, Quốc hội ban hành nhiều luật có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động, tuy nhiên, các quy định này mới chỉ đặt ra tính nguyên tắc, quy định chung, chưa có những quy định cụ thể phù hợp với đặc thù của Cảnh sát cơ động, cụ thể như:

- Luật An ninh quốc gia năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định áp dụng một số biện pháp cần thiết khi có nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp như: Tăng cường bảo vệ các mục tiêu quan trọng; cấm, giải tán hoặc hạn chế các cuộc tụ tập đông người và những hoạt động của cá nhân, tổ chức xét thấy có hại cho an ninh quốc gia. Các nhiệm vụ này hiện được giao cho Cảnh sát cơ động thực hiện, nhưng Luật này chưa xác định Cảnh sát cơ động là cơ quan chuyên trách bảo vệ an ninh quốc gia.

- Theo quy định tại khoản 14 Điều 16 Luật Công an nhân dân năm 2018, biện pháp vũ trang là một trong 07 biện pháp công tác công an được áp dụng để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Tuy

nhiên, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về căn cứ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền áp dụng biện pháp này. Trong khi đó, biện pháp vũ trang với đặc trưng sử dụng sức mạnh, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ tác động trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của đối tượng bị áp dụng. Đồng thời, nhiều nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động như: Chống bạo loạn vũ trang, khủng bố, biểu tình bất hợp pháp; trấn áp tội phạm có sử dụng vũ khí, tham gia đấu tranh triệt phá các băng, nhóm tội phạm có tổ chức... là những nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến an ninh, trật tự của đất nước, quyền con người, quyền công dân.

- Tại Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ mới chỉ quy định các trường hợp nổ súng quân dụng khi thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự là những trường hợp nổ súng độc lập. Tuy nhiên, Cảnh sát cơ động là lực lượng chiến đấu tập trung, khi ra quân làm nhiệm vụ sử dụng quân số rất lớn và được sử dụng nhiều loại vũ khí quân dụng ở các quy mô, phạm vi, mức độ khác nhau. Với đặc thù là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ngoài các trường hợp được nổ súng theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì tương tự như một số lực lượng vũ trang khác (Cảnh sát biên, Dân quân tự vệ, Cảnh vệ...), cần phải có quy định cụ thể hơn cho các trường hợp được nổ súng trong khi thực thi nhiệm vụ có tổ chức theo đội hình chiến đấu của Cảnh sát cơ động để phù hợp hơn với tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động.

- Tại Điều 40 Luật Phòng, chống khủng bố quy định Bộ Công an có trách nhiệm phân công, bảo đảm trang bị cho lực lượng chống khủng bố trong Công an nhân dân; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các chương III, IV và V của Luật Phòng, chống khủng bố...

Từ những vấn đề nêu trên dẫn đến việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động bị hạn chế do một số quy định chưa phù hợp với Hiến pháp năm 2013, một số nhiệm vụ quy định mới chỉ dừng lại ở mức nguyên tắc, chưa cụ thể, tản mạn trong nhiều luật chuyên ngành dẫn đến tình trạng khó theo dõi, khó thực hiện. Do đó, Luật đã tách riêng nhiệm vụ và quyền hạn của Cảnh sát cơ động

thành 02 điều (Điều 9 và Điều 10), đồng thời quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động để thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng đối với lực lượng Cảnh sát cơ động; bảo đảm phù hợp với các quy định của Hiến pháp năm 2013 và tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật Việt Nam; tạo cơ sở pháp lý cần thiết để Cảnh sát cơ động chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội (gồm 9 nhiệm vụ và 7 quyền hạn).

a) *Nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động (Điều 9)*

Trên cơ sở kế thừa các quy định tại Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, Điều 9 Luật Cảnh sát cơ động đã quy định rõ ràng, cụ thể, 09 nhóm nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động, trong đó, bổ sung 02 nhiệm vụ mới (khoản 5, khoản 8), tập trung vào các nhóm nhiệm vụ chính, sắp xếp từ các nhiệm vụ do Cảnh sát cơ động chủ trì cho đến các nhiệm vụ tham gia phối hợp, cụ thể như sau:

- Khoản 5 Điều 9 Luật Cảnh sát cơ động quy định: *“Huấn luyện, bồi dưỡng điều lệnh, quân sự, võ thuật, kỹ thuật, chiến thuật đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động và cán bộ, chiến sĩ, học viên trong Công an nhân dân; chủ trì, phối hợp huấn luyện công tác phòng, chống khủng bố cho lực lượng chuyên trách và lực lượng được huy động tham gia chống khủng bố; tham gia huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ thuộc các Bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật”*.

+ Đối với nhiệm vụ “Huấn luyện, bồi dưỡng điều lệnh, quân sự, võ thuật, kỹ thuật, chiến thuật đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động và cán bộ, chiến sĩ, học viên trong Công an nhân dân” (khoản 5 Điều 9): Thực hiện Đề án của Bộ Công an về tổ chức lại công tác huấn luyện, bồi dưỡng và sắp xếp hệ thống Trung tâm huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ trong Công an nhân dân tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Theo đó, Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc Công an địa phương (trước đây được giao nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ thực hiện nghĩa vụ trong Công an nhân dân của địa phương; huấn luyện, đào tạo về công tác bảo vệ cho các cơ quan, tổ chức ngoài ngành Công an) được tổ chức lại thành đơn vị cấp đội trực thuộc phòng và không được giao nhiệm vụ nêu trên (trừ các Trung tâm thuộc Công an thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hồ Chí Minh là đơn

vị cấp phòng vẫn có chức năng huấn luyện công dân tham gia thực hiện nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại địa bàn thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh). Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động hiện có 02 trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ là đơn vị cấp phòng, được bổ sung chức năng, nhiệm vụ và quy mô, đối tượng huấn luyện, đào tạo, bao gồm: (1) Huấn luyện điều lệnh, quân sự, võ thuật, rèn luyện thể chất đối với học viên mới tuyển vào thuộc các học viện, trường Công an nhân dân; (2) Huấn luyện công dân tham gia thực hiện nghĩa vụ trong Công an nhân dân cho Công an các đơn vị, địa phương; (3) Tập huấn điều lệnh, quân sự, võ thuật hàng năm cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị trực thuộc Bộ Công an. Do đó, việc tổ chức huấn luyện điều lệnh, quân sự, võ thuật cho cán bộ, học viên trong Công an nhân dân nhằm tăng cường tính chính quy, thống nhất trong toàn lực lượng Công an nhân dân; đồng thời, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về việc xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại vào năm 2030.

+ Đối với nhiệm vụ “chủ trì, phối hợp huấn luyện công tác phòng, chống khủng bố cho lực lượng chuyên trách và lực lượng được huy động tham gia chống khủng bố” (khoản 5 Điều 9): Quy định này phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 (điểm d khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 quy định Bộ Công an chủ trì tổ chức thực hiện quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác khủng bố”) và thực tế phân công nhiệm vụ của Bộ Công an (Thông tư số 38/2021/TT-BCA ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an giao Bộ Tư lệnh cảnh sát cơ động trực tiếp tổ chức tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ chống khủng bố cho các cơ quan, đơn vị trong và ngoài ngành Công an tham gia phòng, chống khủng bố; Quyết định số 8405/QĐ-BCA ngày 18/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Trung tâm huấn luyện quốc gia về phòng, chống khủng bố thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động).

+ Nhằm luật hóa nội dung về hoạt động huấn luyện lực lượng bảo vệ thuộc bộ, ngành, địa phương, khoản 5 Điều 9 Luật Cảnh sát cơ động đã quy định nhiệm vụ “tham gia huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ cho lực lượng bảo vệ thuộc các Bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật”.

- Khoản 8 Điều 9 Luật Cảnh sát cơ động quy định: “*Phối hợp, hỗ trợ các lực lượng trong Công an nhân dân và cơ quan, tổ chức, đơn vị, các lực lượng khác trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm; phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”. Trên thực tế, đây là những nhiệm vụ Cảnh sát cơ động đang thực hiện, cần được luật hóa để bảo đảm tính ổn định, đồng bộ, thống nhất, nâng cao hiệu quả, hiệu lực thi hành.

Ngoài ra, tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 Luật Cảnh sát cơ động bổ sung quy định Cảnh sát cơ động “*Sử dụng biện pháp vũ trang*” (là biện pháp cơ bản của lực lượng này) nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 40-NQ/TW ngày 08/11/2004 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác Công an về “*tăng cường lực lượng Cảnh sát cơ động chống bạo loạn, khủng bố, bố trí lực lượng này ở những địa bàn trọng điểm, với trang bị phù hợp và sự chỉ huy thống nhất...*”, đồng thời làm nổi bật tính đặc thù của Cảnh sát cơ động là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Bên cạnh đó, Luật kế thừa quy định tại khoản 3 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động về nhiệm vụ “*tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự*” (điểm d khoản 3 Điều 9). Ngoài việc tham gia phối hợp với các lực lượng để thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, Cảnh sát cơ động cũng được giao chủ động thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự theo quy định tại Thông tư số 58/2015/TT-BCA ngày 03/11/2015 quy định về hoạt động tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhằm phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Thời gian qua, thực tiễn công tác tuần tra, kiểm soát của Cảnh sát cơ động đã phát huy hiệu quả trong bảo đảm an ninh, trật tự tại các tuyến, địa bàn trọng điểm trên cả nước. Qua đó, lực lượng Cảnh sát cơ động thể hiện được uy lực, sức mạnh chính quy của lực lượng vũ trang trong thực thi pháp luật, góp phần răn đe, thị uy các thế lực thù địch có hành vi chống phá Đảng, Nhà nước.

b) Quyền hạn của lực lượng Cảnh sát cơ động (Điều 10)

Trên cơ sở kế thừa 05 quy định về quyền hạn của Cảnh sát cơ động tại Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, Điều 10 Luật Cảnh sát cơ động bổ sung 02 quyền hạn nhằm bảo đảm cho Cảnh sát cơ động hoàn thành tốt nhiệm vụ thường xuyên, đột xuất được giao.

Luật bổ sung quyền hạn Cảnh sát cơ động được mang theo người vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ vào cảng hàng không, lên tàu bay dân sự để làm nhiệm vụ thuộc một trong các trường hợp chống khủng bố, giải cứu con tin; trấn áp đối tượng thực hiện hành vi nguy hiểm có sử dụng vũ khí, vật liệu nổ; bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; áp giải bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; sử dụng tàu bay do cấp có thẩm quyền huy động riêng cho Cảnh sát cơ động để kịp thời cơ động giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự. Về vấn đề này, qua rà soát các văn bản quy phạm pháp luật cho thấy chưa có văn bản nào quy định Cảnh sát cơ động là đối tượng được mang vũ khí lên máy bay trong thực hiện nhiệm vụ tác chiến mà vẫn phải ký gửi hành lý theo quy định. Tuy nhiên, đối với những trường hợp cần cơ động nhanh lực lượng cùng các loại vũ khí, trang bị bằng đường hàng không, để kịp thời giải quyết vụ việc thì sẽ không bảo đảm vì thời gian làm thủ tục ký gửi và nhận hành lý rất lâu. Do vậy, việc Luật Cảnh sát cơ động bổ sung quyền hạn trên của Cảnh sát cơ động là phù hợp, đáp ứng yêu cầu tác chiến, tính cơ động nhanh của Cảnh sát cơ động trong việc thực hiện các nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, theo quy định hiện hành, việc quản lý điều hành, giám sát hoạt động bay đang được giao cho Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý nhưng chưa quy định các hành vi vi phạm và các biện pháp xử lý đối với máy bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ. Người thi hành nhiệm vụ độc lập được nổ súng vào phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường thủy nội địa nhưng chưa có quy định đối với phương tiện bay không người lái. Để bảo đảm cơ sở pháp lý cho Cảnh sát cơ động trong việc chủ động ngăn chặn, vô hiệu hóa máy bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trong trường hợp các phương tiện này trực tiếp tấn công, đe dọa tấn công hoặc xâm phạm mục tiêu nhằm bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu được giao vũ trang, canh gác bảo vệ, Luật đã quy định thẩm quyền này cho Cảnh sát cơ động.

Quy định tại khoản 3 Điều 10 về việc ngăn chặn, vô hiệu hóa tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trực tiếp tấn công, đe dọa tấn công hoặc xâm phạm mục tiêu bảo vệ của Cảnh sát cơ động trong phạm vi khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ là một điểm mới so với Pháp lệnh Cảnh sát cơ động. Hiện nay, khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay đối với tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ được quy định và thực hiện theo Quyết định số 18/2020/QĐ-TTg ngày 10/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Nhằm tạo cơ sở pháp lý để Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu (quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9), Luật đã bổ sung quyền hạn của Cảnh sát cơ động tại khoản 3 Điều này. Theo đó, Bộ Công an phối hợp với Bộ Quốc phòng tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan để xác định phạm vi khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay và phân công trách nhiệm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của Cảnh sát cơ động. Trường hợp xâm phạm hoặc đe dọa xâm phạm khu vực bảo vệ mục tiêu mà vượt quá khả năng thì Cảnh sát cơ động có trách nhiệm phối hợp với các lực lượng khác để xử lý hiệu quả.

Quy định về việc Cảnh sát cơ động được quyền “*yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp sơ đồ, thiết kế của công trình, trụ sở, nhà ở, phương tiện, trù công trình quốc phòng, khu quân sự, phương tiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; được vào trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân theo quy định tại Điều 13 của Luật này để chống khủng bố, giải cứu con tin*” (khoản 5) được kế thừa quy định tại khoản 13 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động. Để bảo đảm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chống khủng bố, giải cứu con tin và tránh thương vong, tổn thất lực lượng khi vào công trình, trụ sở, nhà ở, phương tiện có cấu trúc phức tạp, rộng lớn xảy ra vụ việc, Cảnh sát cơ động cần có sơ đồ, thiết kế để lựa chọn phương án phù hợp. Việc cung cấp sơ đồ, thiết kế thuộc trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, bao gồm cả cơ quan quản lý nhà nước hoặc các đơn vị khác trong Công an nhân dân, phù hợp với khả năng và tình hình thực tiễn để đáp ứng nhanh nhất yêu cầu, nhiệm vụ chống khủng bố, giải cứu con tin.

Việc luật hóa nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động, đặc biệt là các nhiệm vụ, quyền hạn có liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân sẽ góp phần tác động tới tình hình trật tự, an toàn xã hội theo

chiều hướng tích cực. Theo đó, các quan hệ xã hội được Cảnh sát cơ động quản lý, thực hiện nhiệm vụ sẽ được bảo đảm ổn định, an toàn, kịp thời xử lý có hiệu quả những vấn đề phát sinh do có đủ cơ sở pháp lý và phân định rõ phạm vi thẩm quyền của lực lượng này. Các vụ bạo loạn có vũ trang, khủng bố, tập trung đông người biểu tình bất hợp pháp... sẽ được Cảnh sát cơ động giải quyết trên cơ sở thực thi đúng trong khuôn khổ pháp luật, lập lại trật tự, kỷ cương và bảo đảm hoạt động bình thường của các chủ thể. Đặc biệt, quy định mới về việc Cảnh sát cơ động được mang theo người vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ vào cảng hàng không, lên tàu bay dân sự để làm nhiệm vụ trong trường hợp sử dụng tàu bay do cấp có thẩm quyền huy động riêng cho Cảnh sát cơ động để kịp thời cơ động giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự và quy định về Cảnh sát cơ động được quyền ngăn chặn, vô hiệu hóa tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trực tiếp tấn công, đe dọa tấn công hoặc xâm phạm mục tiêu bảo vệ của Cảnh sát cơ động trong phạm vi khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ đã thể hiện rõ tính chất đặc thù của Cảnh sát cơ động so với các lực lượng khác trong Công an nhân dân. Hoạt động của Cảnh sát cơ động dựa trên nền tảng pháp lý vững chắc sẽ thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Qua đó, tạo niềm tin trong nhân dân, gắn kết cộng đồng xã hội và bảo đảm cho các hoạt động xã hội diễn ra ổn định. Đồng thời, quy định trên cũng nâng cao vị trí, vai trò của Cảnh sát cơ động, nâng cao ý thức pháp luật, góp phần tạo sự đồng thuận và chuyển biến tích cực về nhận thức trong các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, người dân và toàn xã hội đối với vị trí, vai trò của Cảnh sát cơ động, hỗ trợ và thúc đẩy hiệu quả hoạt động của lực lượng này; quy định cụ thể, minh bạch các nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động trong văn bản luật sẽ tạo điều kiện cho Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ cũng như tăng cường sự giám sát của người dân đối với hoạt động của lực lượng này.

2.2. Bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt

Trước đây, tại Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, nhiệm vụ “Tổ chức bảo vệ mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, chuyển hàng đặc biệt, hội nghị, sự kiện quan trọng theo danh mục do Chính phủ

quy định” chỉ được quy định là một khoản trong Điều 7 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động (khoản 4). Tuy nhiên, để quy định cụ thể về các hoạt động của Cảnh sát cơ động bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt, nội dung này đã được quy định thành 01 điều tại Luật Cảnh sát cơ động (Điều 11). Theo đó, quy định hoạt động của Cảnh sát cơ động bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt bao gồm: Canh gác, tuần tra, kiểm soát; kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, đồ vật, tài liệu ra vào khu vực mục tiêu bảo vệ; phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi gây mất an toàn, đe dọa gây mất an toàn mục tiêu bảo vệ, chuyển hàng đặc biệt.

Đồng thời, Luật đã giao Chính phủ quy định danh mục mục tiêu bảo vệ, hàng đặc biệt do Cảnh sát cơ động bảo vệ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp, hỗ trợ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ bảo vệ mục tiêu và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; các hành vi gây mất an toàn, đe dọa gây mất an toàn mục tiêu bảo vệ.

2.3. Tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự

Tuần tra, kiểm soát là nhiệm vụ cơ bản của Cảnh sát cơ động nhằm bảo đảm an ninh, trật tự. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các hoạt động của lực lượng Cảnh sát cơ động sẽ có những tác động đến quyền con người, quyền công dân nên việc quy định rõ các hoạt động của lực lượng Cảnh sát cơ động sẽ bảo đảm tốt hơn những nhiệm vụ mà lực lượng này đã và đang thực hiện. Để tạo cơ sở pháp lý hoàn chỉnh cho lực lượng Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự hiệu quả hơn, Luật Cảnh sát cơ động quy định cụ thể về địa bàn, hoạt động tuần tra, kiểm soát và các trường hợp được kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, đồ vật, tài liệu của Cảnh sát cơ động tại Điều 12 như sau: (1) Cảnh sát cơ động tuần tra, kiểm soát khu vực, tuyến, địa bàn phức tạp về an ninh, trật tự hoặc khi có sự kiện chính trị quan trọng; (2) Hoạt động tuần tra, kiểm soát phải tuân thủ quy định của pháp luật, phương án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Hoạt động tuần tra, kiểm soát

của Cảnh sát cơ động bao gồm: a) Bố trí lực lượng, phương tiện, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát; b) Kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, đồ vật, tài liệu theo quy định tại khoản 4 Điều này; c) Phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; (4) Cảnh sát cơ động được kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, đồ vật, tài liệu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự; b) Phát hiện người phạm tội quả tang, người bị truy nã, bị truy tìm; c) Có căn cứ cho rằng trong người, phương tiện có cất giấu đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luật, nếu không kiểm tra, kiểm soát ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện đó bị tẩu tán, tiêu hủy; (5) Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình hoạt động tuần tra, kiểm soát của Cảnh sát cơ động.

2.4. Vào trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân để chống khủng bố, giải cứu con tin

Việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật bằng nhiều biện pháp khác nhau và thuộc trách nhiệm của nhiều lực lượng. Đối với các hành vi vi phạm pháp luật do các lực lượng khác chủ trì, Cảnh sát cơ động có trách nhiệm phối hợp xử lý; trường hợp Cảnh sát cơ động vào trụ sở cơ quan, tổ chức hoặc nơi ở của cá nhân để ngăn chặn, trấn áp hành vi vi phạm pháp luật sẽ thực hiện theo đề nghị của lực lượng đang chủ trì theo quy định pháp luật. Do vậy, Luật đã quy định rõ ràng hơn về phạm vi và mục đích vào trụ sở cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân “*để chống khủng bố, giải cứu con tin*” (Điều 13), cụ thể như sau: (1) Việc vào trụ sở của cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố; (2) Trường hợp vào trụ sở của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của pháp luật về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng; (3) Trường hợp vào trụ sở cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế và chỗ ở của thành viên các cơ quan này tại Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2.5. Quy định cụ thể về các biện pháp công tác và việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ của Cảnh sát cơ động

Thực hiện các quy định của Pháp lệnh và pháp luật có liên quan, trong thực tiễn hiện nay, Cảnh sát cơ động đang phát huy tốt vị trí, vai trò của mình trong hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Cảnh sát cơ động được thực hiện các biện pháp công tác quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật. Theo đó, Cảnh sát cơ động luôn duy trì nghiêm túc chế độ trực ban, trực chiến đấu sẵn sàng ra quân thực hiện nhiệm vụ khi có điện, mệnh lệnh của lãnh đạo Bộ Công an và các cấp có thẩm quyền. Triển khai lực lượng, phương án bảo vệ tuyệt đối an toàn mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội; các sự kiện trọng đại của đất nước. Xây dựng, triển khai kế hoạch, phương án phối hợp với các lực lượng giải quyết có hiệu quả các vụ bạo loạn, biểu tình gây rối, các “điểm nóng” an ninh nông thôn hiệu quả (như: giải quyết vụ biểu tình tại các khu công nghiệp ở Bình Dương, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh; các vụ biểu tình gây rối an ninh, trật tự tại các tỉnh khu vực miền Trung liên quan đến sự cố môi trường biển do Công ty Formosa gây ra; vụ biểu tình tại Bình Thuận và một số địa phương khu vực phía Nam liên quan đến việc phản đối dự án Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, gây thiệt hại lớn về tài sản và phương tiện; vụ việc phức tạp liên quan đến tranh chấp đất đai tại xã Ia Chim, Kon Tum... Tổ chức lực lượng tham gia đấu tranh triệt phá các chuyên án lớn về hình sự, kinh tế, ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao, các băng, nhóm tội phạm hình sự đặc biệt nguy hiểm; các chuyên án tội phạm có tổ chức, tội phạm hình sự hoạt động theo kiểu “xã hội đen” có vũ khí nóng với quy mô lớn, các chuyên án đấu tranh chống tội phạm buôn lậu, khai thác cát trái phép... Tổ chức hàng vạn lượt cán bộ, chiến sĩ tuần tra kiểm soát công khai xử lý các tụ điểm phức tạp về an ninh, trật tự. Có được các kết quả kể trên, một phần là do được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã đầu tư mua sắm đồng bộ vũ khí trang bị, công cụ hỗ trợ, thiết bị kỹ thuật có tính năng công nghệ hiện đại, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, phương án tác chiến của lực lượng Cảnh sát cơ động trong tình hình mới để phát huy vai trò nòng cốt thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, trước đó, các biện pháp công tác nêu trên của lực lượng Cảnh sát cơ động chủ yếu được quy định tại các văn bản của Chính phủ và hướng dẫn

của Bộ Công an. Trong khi đó, các biện pháp công tác này khi thực hiện có tác động trực tiếp đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhiều trường hợp còn trực tiếp tác động đến quyền con người, quyền công dân như biện pháp vũ trang, tuần tra, kiểm soát, tiếp cận mục tiêu; sử dụng vũ khí quân dụng trên quy mô, phạm vi lớn với các loại vũ khí khác nhau... Việc chưa quy định cụ thể các biện pháp công tác và việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, đặc biệt là việc sử dụng vũ khí quân dụng của Cảnh sát cơ động, thẩm quyền quyết định sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, trang bị, phương tiện đặc chủng và công cụ hỗ trợ trong văn bản pháp lý ở tầm cao đã phần nào ảnh hưởng không nhỏ đến tính chủ động của Cảnh sát cơ động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Chính vì vậy, Luật Cảnh sát cơ động đã quy định các biện pháp công tác của Cảnh sát cơ động và việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trong Luật Cảnh sát cơ động để tạo cơ sở pháp lý giúp Cảnh sát cơ động nâng cao toàn diện năng lực, khả năng tác chiến, sẵn sàng cơ động giải quyết các tình huống phức tạp về an ninh, trật tự, không để bị động, bất ngờ.

Điều 14 Luật Cảnh sát cơ động quy định về biện pháp công tác của Cảnh sát cơ động như sau: (1) Cảnh sát cơ động thực hiện các biện pháp công tác theo quy định của Luật Công an nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Luật này, trong đó biện pháp vũ trang là chủ yếu; (2) Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định việc áp dụng các biện pháp công tác theo quy định tại khoản 1 Điều này, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về quyết định của mình.

Việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát cơ động được quy định tại Điều 15 Luật này, cụ thể như sau: (1) Khi thực hiện nhiệm vụ độc lập, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và được nổ súng quân dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; (2) Khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức, việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Cảnh sát cơ động phải tuân theo mệnh lệnh của người chỉ huy trực tiếp. Người ra mệnh lệnh phải tuân thủ quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ

khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, quy định của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về quyết định của mình; (3) Việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ khi thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (4) Việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ của Cảnh sát cơ động trong huấn luyện, diễn tập thực hiện theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Việc luật hóa các quy định về các biện pháp công tác và việc sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Cảnh sát cơ động sẽ giúp Cảnh sát cơ động có đầy đủ cơ sở pháp lý và chủ động hơn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, giải quyết thấu đáo các hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn. Qua đó, hiệu quả công tác của lực lượng này tăng lên đáng kể, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy các quan hệ kinh tế phát triển. Bên cạnh đó, việc luật hóa các nội dung này cũng không làm phát sinh chi phí cho ngân sách nhà nước cũng như chi phí của xã hội do trên thực tế lực lượng này vẫn đang được thực hiện và không bổ sung các quy định, nội dung mới.

Với vai trò là lực lượng nòng cốt bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, việc quy định cụ thể về các biện pháp công tác và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ của Cảnh sát cơ động sẽ giúp Cảnh sát cơ động có đầy đủ cơ sở pháp lý để chủ động trong mọi hoàn cảnh, tình huống, yên tâm sử dụng đúng đắn và phù hợp các biện pháp công tác cho từng trường hợp, tình huống cụ thể. Việc sử dụng vũ khí quân dụng với các trường hợp, phương thức sẽ bảo đảm phù hợp với đặc thù chiến đấu của lực lượng, góp phần sử dụng hiệu quả vũ khí quân dụng trong khi thi hành nhiệm vụ của lực lượng, bảo vệ tốt hơn tính mạng của Cảnh sát cơ động, các mục tiêu bảo vệ và hạn chế thấp nhất việc sử dụng không đúng mục đích, đối tượng. Qua đó, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo hơn, các quan hệ xã hội thuộc phạm vi nhiệm vụ bảo vệ và giải quyết của Cảnh sát cơ động được duy trì, ổn định và phát triển hơn, củng cố niềm tin của người dân vào lực lượng Công an nhân dân nói chung và Cảnh sát cơ động nói riêng.

2.6. Huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự

Thực tế, khi triển khai các phương án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, Cảnh sát cơ động luôn bố trí lực lượng, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu thực tế. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt có thể phát sinh những tình huống ngoài dự kiến, lực lượng vũ trang nói chung, Cảnh sát cơ động nói riêng cần được phép huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong một số trường hợp đặc biệt để bảo đảm khả năng hoàn thành nhiệm vụ. Đây là các tình huống phức tạp, khó lường, ngoài dự báo. Hiện nay, một số luật trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh, trong đó có Luật Công an nhân dân cũng quy định về quyền này trong “trường hợp cấp bách” (khoản 16 Điều 16 Luật Công an nhân dân; khoản 1 Điều 22 Luật Cảnh vệ) hoặc “trường hợp khẩn cấp” (Điều 18 Luật Biên phòng Việt Nam; Điều 9, Điều 16 Luật Cảnh sát biên Việt Nam) nhưng đều không giải thích cụ thể “trường hợp cấp bách” hoặc “trường hợp khẩn cấp” mà gắn với mục đích, yêu cầu cụ thể. Để phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình thực tế, Điều 16 của Luật quy định cụ thể về các trường hợp, thẩm quyền huy động người, phương tiện, thiết bị như sau:

(1) Khi thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 của Luật này, trong trường hợp cấp bách để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội hoặc để ngăn chặn hậu quả thiệt hại cho xã hội đang xảy ra hoặc có nguy cơ xảy ra, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự và người đang sử dụng, điều khiển phương tiện, thiết bị đó. Trường hợp thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, việc huy động người, phương tiện, thiết bị thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố. Trong trường hợp cấp bách theo quy định tại khoản này, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài hỗ trợ, giúp đỡ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

(2) Thẩm quyền huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự của cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định như sau: (a) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ thuộc Cảnh sát cơ động được huy động người, phương tiện, thiết bị khi thực hiện nhiệm vụ độc lập; (b) Người chỉ huy trực tiếp của Cảnh sát cơ động tại hiện trường quyết định huy động người, phương tiện, thiết bị khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức”.

Hiện nay, phần lớn nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động được tổ chức theo đội hình tập thể, nhưng có một số nhiệm vụ do cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động thực hiện độc lập. Trong trường hợp cần thiết, để bảo đảm thực thi nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động cần được cho phép huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự. Do vậy, để bảo đảm phù hợp với thực tiễn công tác của Cảnh sát cơ động, đồng thời cũng thống nhất với quy định của pháp luật có liên quan, khoản 3 Điều này quy định: “ Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động huy động người, phương tiện, thiết bị có trách nhiệm hoàn trả ngay sau khi trường hợp cấp bách chấm dứt. Trường hợp người, phương tiện, thiết bị được huy động làm nhiệm vụ mà bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách, đền bù theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật này; đơn vị có cán bộ, chiến sĩ huy động có trách nhiệm giải quyết việc đền bù theo quy định của pháp luật có liên quan”.

2.7. Nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động

Cảnh sát cơ động là một trong những “quả đấm thép” của lực lượng Công an nhân dân trong đấu tranh với các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm khủng bố, các loại tội phạm có trang bị vũ khí nguy hiểm, đây là một trong những lực lượng tiến thẳng lên hiện đại theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Luật Cảnh sát cơ động được ban hành là một bước tiến mới trong quá trình cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội của Đảng, đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đòi hỏi từ thực tiễn, tăng cường sức mạnh cho lực lượng Cảnh sát cơ động để thực hiện hiệu quả hơn nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, cùng với các lực lượng khác trong Công an nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong thời gian tới, để xây dựng lực lượng Cảnh sát cơ động vững mạnh toàn diện cần phải dựa trên nhiều yếu tố: con người, nguồn lực, trang bị, phương tiện... nhưng trước hết là xây dựng yếu tố con người. Để xây dựng yếu tố con người, cần quy định cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ và giá trị đạo đức căn bản của chủ thể trong quá trình xây dựng đó, đặc biệt là với lực lượng Cảnh sát cơ động; bởi vì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhiều hoạt động của Cảnh sát cơ động ảnh hưởng trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân.

Việc quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động trong một văn bản có tính pháp lý cao nhất là Luật Cảnh sát cơ động cho

thấy sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Quốc hội đối với sự phát triển của một trong những lực lượng nòng cốt trong duy trì thực thi pháp luật, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội cũng như tầm quan trọng của yếu tố con người trong xây dựng, phát triển lực lượng này.

2.8. Điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ

Qua tổng kết thực hiện các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động về thẩm quyền điều động Cảnh sát cơ động ra quân thực hiện nhiệm vụ cho thấy, các quy định này vẫn đang phát huy được hiệu quả, nhưng cũng có vấn đề vướng mắc, bất cập, chưa bám sát với đặc thù của lực lượng, cụ thể: Cảnh sát cơ động có đặc thù là đơn vị chiến đấu tập trung, quân số đông, đóng quân rải rác trên địa bàn cả nước, trong đó địa bàn thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động chủ yếu tập trung tại các trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội quan trọng hoặc các địa bàn rừng núi, có vị trí chiến lược, trọng yếu về an ninh quốc gia. Theo Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, lực lượng Cảnh sát cơ động được tổ chức theo mô hình tập trung phân tán, vừa có Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động trực thuộc Bộ Công an với các trung đoàn, tiểu đoàn trực thuộc Bộ Tư lệnh đóng quân trên cả nước, vừa có tổ chức Cảnh sát cơ động trực thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 15/3/2018 của Bộ Chính trị về *“Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy Bộ Công an tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”* và sắp xếp tổ chức Công an theo quy định của Chính phủ, tổ chức bộ máy Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có sự điều chỉnh theo hướng không có cấp Cục trực thuộc và tinh gọn giảm từ 48 đầu mối còn 33 đầu mối trực thuộc là đơn vị cấp phòng, các trung đoàn, tiểu đoàn và đóng quân rải rác trên phạm vi cả nước. Tại Công an địa phương, có 61 phòng Cảnh sát cơ động, tổ chức bộ máy gồm các đội chuyên môn tham mưu - huấn luyện, chính trị - hậu cần, quản lý, sử dụng động vật nghiệp vụ, đại đội Cảnh sát bảo vệ mục tiêu, tiểu đoàn hoặc đại đội Cảnh sát cơ động; 02 phòng Cảnh sát bảo vệ, tổ chức bộ máy gồm các đội chuyên môn và các đại đội bảo vệ mục tiêu; trung đoàn Cảnh sát cơ động trực thuộc Công an thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức bộ máy gồm ban tham mưu, chính trị, hậu cần, huấn luyện và các đội, tiểu đoàn Cảnh sát đặc nhiệm, tiểu đoàn Cảnh sát cơ động.

Trong khi đó, quy định tại Pháp lệnh về các trường hợp sử dụng Cảnh sát cơ động để giải quyết tình huống, vụ việc và thẩm quyền điều động lực lượng này còn có sự chưa thống nhất, chưa phù hợp với mô hình tổ chức mới cũng như yêu cầu cấp bách của từng tình huống. Theo quy định của Pháp lệnh, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có thẩm quyền điều động tới tiểu đoàn trực thuộc, trong khi đó, thẩm quyền điều động của Giám đốc Công an địa phương là đơn vị Cảnh sát cơ động trực thuộc (như Công an thành phố Hà Nội và Công an thành phố Hồ Chí Minh là Trung đoàn Cảnh sát cơ động). Như vậy, chưa có sự tương xứng, chưa bảo đảm phân định rành mạch thẩm quyền của Tư lệnh với Giám đốc Công an địa phương khi điều động các lực lượng Cảnh sát cơ động trực thuộc.

Để khắc phục những bất cập, hạn chế trên, Luật Cảnh sát cơ động đã quy định cụ thể các trường hợp và thẩm quyền điều động Cảnh sát cơ động ra quân thực hiện nhiệm vụ nhằm bảo đảm thống nhất trong chỉ huy, điều động lực lượng cũng như nâng cao hiệu quả công tác của lực lượng này trên thực tế tại Điều 20 như sau: (1) Bộ trưởng Bộ Công an điều động Cảnh sát cơ động trong phạm vi toàn quốc để thực hiện nhiệm vụ; (2) Tư lệnh Cảnh sát cơ động điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau đây: a) Đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án thuộc thẩm quyền phê duyệt; b) Đơn vị Cảnh sát cơ động theo phương án đã được cấp trên phê duyệt, được ủy quyền phê duyệt hoặc khi được giao chủ trì chỉ huy giải quyết các tình huống cụ thể; c) Đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền để thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cấp bách và đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an; (3) Giám đốc Công an cấp tỉnh điều động đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau đây: a) Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án đã được cấp trên phê duyệt hoặc thuộc thẩm quyền phê duyệt; b) Thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn quản lý trong trường hợp cấp bách và đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an; (4). Chỉ huy đơn vị Cảnh sát cơ động điều động, sử dụng đơn vị thuộc quyền để thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; điều động đơn vị thuộc quyền tham gia phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ và đồng thời báo cáo chỉ huy cấp trên trực tiếp; (5) Việc điều động Cảnh sát cơ động trong tình trạng

chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật, giới nghiêm được thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

Việc phân định rõ các trường hợp và thẩm quyền điều động Cảnh sát cơ động ra quân thực hiện nhiệm vụ nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập về thẩm quyền điều động Cảnh sát cơ động, giúp cho quá trình phối hợp, hiệp đồng tác chiến được thuận lợi, phát huy được hết chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, bảo đảm việc sử dụng, điều động lực lượng hiệu quả, phù hợp với quy mô, tính chất, phạm vi của từng tình huống, vụ việc, nâng cao hiệu quả và sự thông suốt trong tổ chức điều động lực lượng Cảnh sát cơ động; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, thông suốt trong thực thi nhiệm vụ giúp Cảnh sát cơ động chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ, các mục tiêu bảo vệ, tình huống và sự việc được giải quyết triệt để, nhanh chóng lập lại trật tự, an toàn xã hội, an ninh được bảo vệ và ổn định, sự an toàn của xã hội được đảm bảo.

2.9. Phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động

Tại Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI, Kết luận số 32-KL/TW ngày 05/7/2018 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 51-NQ/TW ngày 05/9/2019 của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia đã xác định giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh quốc gia phải từ cơ sở, dưới sự chỉ huy, chỉ đạo của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương theo cơ chế thống nhất và phương châm: “*Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ*” phát huy sức mạnh và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn dân, sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, trong đó, Công an nhân dân đóng vai trò tham mưu, nòng cốt.

Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội có nhiều lực lượng cùng tham gia, trong đó Công an nhân dân và Quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt; việc thực hiện nhiệm vụ này đã được quy định trong các luật chuyên ngành. Thực tiễn quá trình ra quân thực hiện nhiệm vụ của lực lượng Cảnh sát cơ động có sự phối hợp vào cuộc của các cấp, các ngành, nhiều lực lượng. Tuy nhiên, Pháp lệnh chưa quy định cụ thể về cơ chế phối hợp, cơ chế lãnh đạo, chỉ huy khi lực lượng Cảnh sát cơ động tham gia

thực hiện nhiệm vụ, do vậy quá trình thực hiện còn lúng túng, bị động dẫn đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chưa cao. Do vậy, để thể chế hóa quan điểm của Đảng, Luật Cảnh sát cơ động đã quy định về cơ chế phối hợp giữa Cảnh sát cơ động với cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng có liên quan để bảo đảm thống nhất trong chỉ huy, điều động lực lượng cũng như nâng cao hiệu quả công tác của lực lượng này trên thực tế (Điều 21) Khoản 1 Điều 21 quy định nguyên tắc phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động như sau: (1) Nguyên tắc phối hợp được quy định như sau: a) Việc phối hợp phải trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với tình hình thực tế; (b) Bảo đảm sự chủ trì, điều hành tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, chỉ huy thực hiện nhiệm vụ; giữ bí mật thông tin về quốc phòng, an ninh và biện pháp nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng trong quá trình phối hợp; c) Bảo đảm chủ động, linh hoạt, cụ thể và hiệu quả, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ trì, phối hợp. Khoản 2 Điều 21 quy định nội dung phối hợp như sau: a) Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; b) Giải quyết các vụ việc tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự, bạo loạn, khủng bố, bắt cóc con tin; c) Tuân tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự; bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; d) Phòng, chống, khắc phục thảm họa, thiên tai, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; đ) Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng; e) Trao đổi thông tin, tài liệu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; g) Thực hiện các hoạt động phối hợp khác có liên quan. Tại khoản 3 Điều 21 đã quy định cơ chế chỉ huy trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động như sau: a) Khi giải quyết vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự do cấp ủy, chính quyền địa phương chủ trì có sự tăng cường lực lượng của Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương triển khai các biện pháp để giải quyết vụ việc và trực tiếp chỉ huy Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; b) Khi giải quyết vụ việc phức tạp về an

ninh, trật tự do Bộ Công an chủ trì, Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị để tham mưu với lãnh đạo Bộ Công an triển khai các biện pháp giải quyết vụ việc và trực tiếp chỉ huy Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; c) Khi giải quyết vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự do Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động được giao chủ trì, các lực lượng tham gia phối hợp chịu sự chỉ huy trực tiếp của Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Luật giao Chính phủ quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động (khoản 4).

Việc quy định rõ cơ chế phối hợp giữa Cảnh sát cơ động với các cơ quan, tổ chức và lực lượng chức năng có liên quan giúp cho quá trình phối hợp, hiệp đồng tác chiến được thuận lợi, phát huy được hết chức năng, nhiệm vụ của các lực lượng thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, cũng bảo đảm việc sử dụng, điều động lực lượng hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với quy mô, tính chất, phạm vi của từng tình huống, vụ việc, tăng cường sự phối hợp trong thực thi nhiệm vụ của lực lượng này giữa Cảnh sát cơ động với các lực lượng chức năng sẽ giúp Cảnh sát cơ động hoàn thành tốt nhiệm vụ, các mục tiêu bảo vệ, tình huống và sự việc được giải quyết triệt để, nhanh chóng lập lại trật tự, an toàn xã hội, an ninh được bảo vệ và ổn định, sự an toàn của xã hội được đảm bảo.

3. Bảo đảm hoạt động và chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động (Chương III)

3.1. Kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho Cảnh sát cơ động

Trên cơ sở kế thừa quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, Điều 22 Luật Cảnh sát cơ động quy định: “Nhà nước bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất, đất đai, trụ sở, công trình cho hoạt động của Cảnh sát cơ động theo quy định của pháp luật có liên quan”.

3.2. Trang bị của Cảnh sát cơ động

Để tiếp tục thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết đại hội lần thứ XIII về ưu tiên hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát cơ động đáp ứng yêu cầu,

nhiệm vụ trong tình hình mới, Luật Cảnh sát cơ động tiếp tục quy định việc trang bị tàu bay, tàu thuyền cho Cảnh sát cơ động. Việc quy định tàu bay, tàu thuyền cho Cảnh sát cơ động đã được quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động và Điều 9 Nghị định số 77/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động; đồng thời, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy Trung đoàn Không quân Công an nhân dân thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, ra mắt đơn vị vào tháng 10/2021. Việc trang bị máy bay, tàu thuyền cho Cảnh sát cơ động để bảo đảm tính chủ động, cơ động trong thực thi nhiệm vụ, nhất là trong trường hợp và tình huống cấp bách, khẩn trương để kịp thời bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Lực lượng Cảnh sát cơ động sử dụng tàu bay, tàu thủy để thực hiện nhiệm vụ tuần tra, thị sát, cơ động chiến đấu, vận chuyển cán bộ, chiến sĩ, vũ khí, trang bị, lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm trong tình huống đột xuất ở các địa hình mà các phương tiện khác không thể tiếp cận được như tại địa hình khó khăn, hiểm trở, thiên tai, bão lũ giao thông bị chia cắt... Theo đó, Điều 23 Luật Cảnh sát cơ động bổ sung quy định: “Nhà nước ưu tiên đầu tư trang bị hiện đại, nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ cho các hoạt động của Cảnh sát cơ động” (khoản 1 Điều 23); đồng thời, kế thừa quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động: “Cảnh sát cơ động được trang bị vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, tàu bay, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao” (khoản 2 Điều 23) và giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

3.3. Trang phục, công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân, giấy chứng nhận công tác đặc biệt của Cảnh sát cơ động

Kế thừa các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, Luật Cảnh sát cơ động quy định cụ thể việc sử dụng trang phục, công an hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, giấy chứng minh Công an nhân dân theo quy định của Luật Công an nhân dân (khoản 1 Điều 24). Bên cạnh đó, đề phù hợp với đặc thù riêng của lực lượng Cảnh sát cơ động so với các lực lượng khác trong Công an nhân dân, Luật quy định Cảnh sát cơ động có phù hiệu, giấy chứng nhận công tác đặc biệt, trang

phục huấn luyện, trang phục chiến đấu riêng (khoản 2 Điều 24). Đồng thời, Luật giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết nội dung khoản 2 Điều này.

3.4. Chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động

Luật Cảnh sát cơ động cơ bản kế thừa các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số quy định cụ thể về chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động. Theo đó, Luật quy định: “Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân” (khoản 1 Điều 25); “Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động khi phục vụ tại ngũ được hưởng các chính sách ưu đãi và chế độ đặc thù phù hợp với tính chất, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động” (khoản 2 Điều 25).

Bên cạnh đó, Luật điều chỉnh quy định về cấp nhà ở công vụ cho Cảnh sát cơ động. Tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động quy định: “Sĩ quan Cảnh sát cơ động công tác ổn định lâu dài tại địa bàn đóng quân độc lập được bố trí nhà ở công vụ”; đến nay, khoản 3 Điều 25 Luật Cảnh sát cơ động quy định: “Sĩ quan cảnh sát cơ động được bố trí nhà ở công vụ”. Quy định này hoàn toàn phù hợp với tính chất đặc thù của lực lượng Cảnh sát cơ động (lực lượng chiến đấu tập trung, thường xuyên phải ứng trực tại đơn vị), đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật (như tại khoản 6 Điều 38 Luật Công an nhân dân quy định: “Sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan chuyên môn kỹ thuật được hưởng phụ cấp nhà ở, được bảo đảm nhà ở công vụ...”; hay tại khoản 6 Điều 49 Luật Nhà ở năm 2014 quy định đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội bao gồm sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân và Quân đội nhân dân). Theo đó, việc bố trí nhà ở công vụ là một trong những chế độ, chính sách mà Cảnh sát cơ động được hưởng, tạo điều kiện để sĩ quan Cảnh sát cơ động yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3.5. Tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động

Tại khoản 3 Điều 5 Pháp lệnh Cảnh sát cơ động quy định: “Cảnh sát cơ động phải tuyển chọn nguồn nhân lực có chất lượng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao”. Tuy nhiên, Luật Cảnh sát cơ động bổ sung 01 điều quy định cụ thể

về việc tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động. Đây là điểm mới của Luật so với Pháp lệnh Cảnh sát cơ động.

Hiện nay, theo cơ cấu quân số của Cảnh sát cơ động, chiến sĩ nghĩa vụ chiếm gần 40% tổng quân số. Quân số này mới chỉ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong điều kiện bình thường, chưa thể đáp ứng khi xảy ra các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự trên nhiều địa bàn, trong cùng một thời điểm. Xuất phát từ đặc thù của Cảnh sát cơ động, việc tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động ngay từ khâu đầu tiên phải được tiến hành theo quy định tại Điều 7 Luật Công an nhân dân năm 2018. Để bảo đảm xây dựng Cảnh sát cơ động cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, việc quy định điều kiện, tiêu chuẩn tuyển chọn công dân vào Cảnh sát cơ động phải được ưu tiên, thu hút công dân gắn bó lâu dài trong Cảnh sát cơ động. Theo đó, Điều 26 của Luật quy định: (1) Công dân Việt Nam không phân biệt nam, nữ, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, độ tuổi phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tự nguyện thì được tuyển chọn vào Cảnh sát cơ động; (2) Cảnh sát cơ động được ưu tiên tuyển chọn công dân theo quy định tại khoản 1 Điều này có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ hoặc có năng khiếu, tài năng phù hợp để phục vụ lâu dài trong Cảnh sát cơ động; (3) Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết điều này.

3.6. Đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng và bố trí sử dụng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động

Luật Cảnh sát cơ động kế thừa quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động về đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; đồng thời, bổ sung quy định về bố trí sử dụng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động phù hợp với tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ, hoạt động của từng lực lượng Cảnh sát cơ động. Bên cạnh đó, Luật đã bổ sung quy định: “Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được tổ chức theo biểu biên chế và bố trí sử dụng phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn hoạt động của từng đơn vị, lực lượng” (khoản 3 Điều 27). Quy định này phù hợp với Đề án hiện đại hóa lực lượng Cảnh sát cơ động đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong đó, Đề án đã xác định nhiệm vụ sắp xếp biên chế, quân số cho Cảnh sát cơ động theo hướng: “Về biên chế, quân số, phải gắn với tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực,

hiệu quả; rà soát, sắp xếp các đầu mối, bố trí có trọng tâm, trọng điểm theo vùng miền, địa bàn chiến lược, ưu tiên tăng cường đơn vị trực tiếp chiến đấu”. Theo đó, Điều 27 Luật Cảnh sát cơ động quy định: (1) Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ; huấn luyện quân sự, võ thuật và kiến thức cần thiết khác phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao; khuyến khích phát triển tài năng để phục vụ lâu dài trong Cảnh sát cơ động; (2) Cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động được tổ chức theo biểu biên chế và bố trí sử dụng phù hợp với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ, địa bàn hoạt động của từng đơn vị, lực lượng; (3) Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

4. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với Cảnh sát cơ động (Chương IV)

4.1. Nội dung quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động

Luật Cảnh sát cơ động bổ sung 01 điều (Điều 28) quy định về nội dung quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động như sau: (1) Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, pháp luật về Cảnh sát cơ động; (2) Tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Cảnh sát cơ động; (3) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Cảnh sát cơ động; (4) Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; (5) Thực hiện chế độ, chính sách đối với Cảnh sát cơ động; (6) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động của Cảnh sát cơ động; (7) Hợp tác quốc tế của Cảnh sát cơ động.

4.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động

Điều 29 Luật Cảnh sát cơ động quy định: (1) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động; (2) Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động; (3) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động. Quy định này bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và các quy định

pháp luật hiện hành cũng như yêu cầu thực tiễn công tác quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.

4.3. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Trên cơ sở kế thừa các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động và Nghị định số 77/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động và nghiên cứu thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đã được phân định cụ thể trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Điều 30 Luật Cảnh sát cơ động quy định cụ thể trách nhiệm Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, bao gồm: (1) Phối hợp với Bộ Công an quy hoạch quỹ đất phù hợp để xây dựng trụ sở đóng quân, thao trường huấn luyện cho Cảnh sát cơ động; (2) Hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động của Cảnh sát cơ động phù hợp với khả năng của địa phương và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; (3) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Cảnh sát cơ động; (4) Ưu tiên thực hiện chính sách về nhà ở xã hội cho cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động theo quy định của pháp luật.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất an ninh và lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quá trình tổ chức lập kế hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Do vậy, quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Cảnh sát cơ động là phù hợp với quy định của Luật Đất đai, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phối hợp giữa Bộ Công an và chính quyền địa phương về quy hoạch quỹ đất cho lực lượng Cảnh sát cơ động. Bên cạnh đó, tại khoản 2 Điều 30 của Luật quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân trong việc hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động của Cảnh sát cơ động phù hợp với khả năng của địa phương và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Quy định này phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, tạo cơ sở pháp lý cho địa phương trong việc hỗ trợ các hoạt động của Cảnh sát cơ động, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Một trong những điểm mới nổi bật của Luật Cảnh sát cơ động là quy định ưu tiên chính sách về nhà ở xã hội cho Cảnh sát cơ động. Quy định này bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật Công an nhân dân: “sĩ quan, hạ sĩ

quan, chiến sĩ Công an nhân dân được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật”.

4.4. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Trên cơ sở kế thừa quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Điều 31 Luật Cảnh sát cơ động quy định: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về Cảnh sát cơ động; giám sát việc thực hiện pháp luật về Cảnh sát cơ động; hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ”. Việc quy định trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về Cảnh sát cơ động là cần thiết, góp phần nâng cao nhận thức của Nhân dân. Mặt khác, thực tiễn cho thấy, hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân, do đó, quy định giám sát việc thực hiện pháp luật về Cảnh sát cơ động có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng này.

4.5. Trách nhiệm và chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động

So với Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, Điều 32 Luật Cảnh sát cơ động có nhiều điểm mới. Luật bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động: (1) Cung cấp kịp thời cho người có thẩm quyền thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác của Cảnh sát cơ động; (2) Chấp hành quyết định, yêu cầu của Cảnh sát cơ động theo quy định tại khoản 6 Điều 10 và Điều 16 của Luật này; (3) Nhà nước bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và giữ bí mật thông tin khi có yêu cầu (các khoản 1, 2, 3 Điều 32).

Bên cạnh đó, kế thừa các quy định của Pháp lệnh Cảnh sát cơ động, khoản 4 Điều 32 quy định cụ thể về chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động: “Cơ quan, tổ chức,

cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù, bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại về sức khỏe, tính mạng thì bản thân, gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật”. Quy định này góp phần động viên, khích lệ, đồng thời là cơ sở để triển khai áp dụng cụ thể các chế độ, chính sách cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ Cảnh sát cơ động trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

5. Điều khoản thi hành (Chương V)

Luật Cảnh sát cơ động có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2023; Pháp lệnh Cảnh sát cơ động số 08/2013/PL-UBTVQH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.
